

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAHA DHARMA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAHA DHARMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAHA DHARMA TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MAHATRA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108020957

3. Ngày thành lập: 11/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 50 Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
2.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
3.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
7.	Bán buôn tổng hợp	4690
8.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
9.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
24.	Phá dỡ	4311
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
26.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
33.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
34.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
35.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
45.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
46.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
47.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Đào tạo cao đẳng	8541
51.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
52.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
53.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
55.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
58.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
59.	Điều hành tua du lịch	7912
60.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Xây dựng công trình công ích	4220
65.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Quảng cáo	7310
69.	Khai thác quặng sắt	0710
70.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
75.	Giáo dục mầm non	8510
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
79.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619(Chính)
80.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
81.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
82.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
83.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
84.	Đúc sắt, thép	2431

85.	Đúc kim loại màu	2432
86.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
88.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
89.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
90.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
93.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
95.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
96.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
97.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
98.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
99.	Giáo dục tiểu học	8520
100.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
101.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
102.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
103.	Xây dựng nhà các loại	4100
104.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
105.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
106.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
107.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
108.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
109.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí khác; Trò chơi điện tử trên mạng;	9329
110.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
111.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
112.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
113.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

114.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
115.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm Bán đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4511

6. Vốn điều lệ: 6.688.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG MINH CHÂU	Số 32A Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.320	1.003.200.000	15,000	012062295	
			Tổng số	100.320	1.003.200.000	15,000		
2	NGUYỄN TIỀN LONG	Số 6 Nhà Chung, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.320	1.003.200.000	15,000	001082003048	
			Tổng số	100.320	1.003.200.000	15,000		
3	LÊ HÀ	Số 46 ngõ 52 Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.320	1.003.200.000	15,000	B3539584	
			Tổng số	100.320	1.003.200.000	15,000		
4	HOÀNG QUỐC QUÂN	Số 4 ngõ Bà Triệu, phố Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.320	1.003.200.000	15,000	011932673	
			Tổng số	100.320	1.003.200.000	15,000		
5	LÊ MINH ĐỨC	Số 50 Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	267.520	2.675.200.000	40,000	001081000981	
			Tổng số	267.520	2.675.200.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001081000981

Ngày cấp: 25/09/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50 Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 50 Quán Sứ, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội